TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 08-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;

2. Ông Nguyễn Phú Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Phan Thị Tuyết M1, sinh năm 1984; cư trú tại: ấp L, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Trần Quốc T, sinh năm 1984; cư trú tại: khu phố N, phường H, thành phố Y, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền ngày 04/10/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* bà Lê Thị M2, sinh năm 1963 và anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1985; cùng cư trú tại: tổ 12, ấp Đ, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* chị Dương Thị T1, sinh năm 1985; anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1984; chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1983; cùng cư trú tại: tổ 12, ấp Đ, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2022 của nguyên đơn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – anh Trần Quốc T trình bày:

Giữa chị Phan Thị Tuyết M1 và bà Lê Thị M2 có mối quan hệ làm ăn mua bán với nhau nên bà Lê Thị M2 và con trai là anh Nguyễn Tấn L nhiều lần vay tiền của chị M1, các số tiền vay trước đều đã trả xong, còn lại số tiền ngày 29/8/2018 bà M2, anh L và ông Nguyễn Văn D chồng của bà M2 (đã chết) là người trực tiếp đến gặp chị M1 hỏi vay tiền số tiền 300.000.000 đồng, tiền lãi 02%/tháng, thời hạn trả tiền nợ gốc là 02 năm kể từ ngày vay 29/8/2018, thỏa thuận tiền lãi trả hàng tháng bắt đầu từ ngày 29/9/2018, bà Lê Thị M2 trả nhiều lần cho chị M1 được khoảng 40.000.000 đồng tiền lãi và không ghi giấy tờ gì lại, bà Lê Thị M2 có viết lại giấy thế chấp đề ngày 29/8-2018 và ký tên cùng với ông D, anh L và có thế chấp cho chị M1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2381m^2, thửa số 265, 266, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh, do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/8/2011 do anh L và chị Dương Thị T1, các bên không có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà chỉ giao tay và viết vào trong giấy nhận nợ, phía bị đơn quản lý sử dụng đất, chị M1 chỉ nhận bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có quản lý, sử dụng đất.

Nay đã quá hạn trả nợ chị M1 đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa trả nợ gốc cho chị M1, theo thông tin được biết ông Nguyễn Văn D đã chết nên chị M1 chỉ khởi kiện bà Lê Thị M2 và anh Nguyễn Tấn L yêu cầu trả số tiền vay gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, không tính tiền lãi và không yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông D là chị Nguyễn Thị Thu T2 và anh Nguyễn Minh Q trả nợ cùng bà M2, anh L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Lê Thị M2 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng, ông D đã chết năm 2022, bà và ông D có 03 người con chung là Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1983; Nguyễn Minh Q, sinh năm 1984 và Nguyễn Tấn L, sinh năm 1985 các con của bà và ông D đều cư trú tại ấp Đ , xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cháu T2 và cháu Q đều có gia đình riêng và sống cùng gia đình.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M1, vào khoảng năm 2014 – 2015 bà không nhớ rõ ngày tháng năm, bà có lấy hàng hoá của chị M1 về để buôn bán tạp hoá tại nhà, bà có trả tiền hàng hóa và nợ lại chị M1 số tiền 100.000.000 đồng, anh L và vợ là Dương Thị T1, sinh năm 1985 (đã bỏ địa phương đi từ năm 2016 cho đến nay) có vay tiền của Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh huyện B, bà không nhớ số tiền vay, khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 29/8/2018 chị M1 có đề nghị với bà chị M1 cho mượn số tiền hơn 60.000.000 đồng để trả tiền ngân hàng và lấy bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, sau khi trả tiền ngân hàng xong chị M1 có đưa bà thêm số tiền khoảng 140.000.000 đồng cho đủ số tiền 300.000.000 đồng, khi nhận tiền

bà có viết lại giấy thế chấp cho chị M1, chữ viết trong giấy thế chấp chị M1 cung cấp cho Toà án do bà viết và ký tên cùng với ông D và anh L.

Sau khi viết giấy nợ cho chị M1, bắt đầu từ ngày 30/8/2018 bà góp tiền trả nợ cho chị M1 mỗi ngày 1.000.000 đồng, góp liên tiếp trong 3 tháng số tiền 90.000.000 đồng. Sau đó do khó khăn nên chị M1 yêu cầu bà góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời gian bắt đầu góp từ mùng 07/7/2020 âm lịch đến mùng 05/6/2021 do ông D bị bệnh bà không có khả năng góp tiền cho chị M1, khi góp tiền hàng ngày có ghi lại góp hằng ngày là một triệu, có chốt lại số tiền đã trả chị M1 mỗi bên giữ một sổ ghi chép, chị M1 là người ghi lại ngày góp cho bà và chốt lại tiền đã góp, ngoài sổ ghi chép bà không còn chứng cứ nào chứng minh đã trả tiền cho chị M1.

Nay chị M1 khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 300.000.000 đồng, bà không đồng ý, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2023 bà xác định số tiền bà đã góp cho chị M1 là 157 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, tổng cộng bà đã góp được 157.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 143.000.000 đồng bà đồng ý cùng con trai là Nguyễn Tấn L trả cho chị M1 số tiền còn nợ lại là 143.000.000 đồng, do hiện nay chồng bà là Nguyễn Văn D đã chết vào ngày 26/8/2022, ông D chết cũng không để lại di sản, những người con khác của bà và ông D là Nguyễn Thị Thu T2, Nguyễn Minh Q đã có gia đình riêng và cũng không biết về số tiền vay của chị M1 nên không liên quan.

Khi vay tiền bà có thế chấp cho chị M1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích ngang 10 mét, dài 200 mét, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh do Nguyễn Tấn L và Dương Thị T1 đứng tên, hiện nay bà và anh Nguyễn Tấn L đang sử dụng và quản lý phần đất thế chấp cho chị M1, việc thế chấp không có hợp đồng, không có công chứng vì không có mặt chị Dương Thị T1 nên văn phòng công chứng không đồng ý làm thủ tục công chứng thế chấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Tấn L trình bày:

Anh là con ruột của bà Lê Thị M2 và ông Nguyễn Văn D (đã chết), đối với vấn đề vay trả tiền giữa mẹ anh và bà M1, anh thống nhất với lời trình bày của mẹ anh, ý kiến của mẹ anh là ý kiến của anh, về việc nợ tiền và trả tiền cho chị M1 do mẹ anh là người thực hiện, anh chưa trả cho chị M1 được số tiền nào, nếu mẹ anh xác định còn nợ lại chị M1 bao nhiêu tiền thì anh đồng ý cùng mẹ anh trả tiền còn nợ cho chị M1, chị T2 và anh Q không liên quan đến số tiền nợ của chị M1.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị T1, anh Nguyễn Minh Q, chị Nguyễn Thị Thu T2 đến Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không tiến hành làm việc được với chị T1, anh Q, chị T2. Chị T1, anh Q, chị T2 phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy

đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà M2, anh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T1, anh Q, chị T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chi Phan Thị Tuyết M1 đối với anh Nguyễn Tấn L, bà Lê Thị M2. Buộc bà M2, anh L có nghĩa vụ trả cho cho M1 số tiền vay 300.000.000 đồng, ghi nhận chị M1 không yêu cầu tính tiền lãi.

Ghi nhận tại phiên tòa chị Phan Thị Tuyết M1 đồng ý trả lại giấy chứng quyền sử dụng đất số CH00373 do UBND huyện Tân Biên cấp ngày 17/8/2011 do anh Nguyễn Tấn L và chị Dương Thị T1 đứng tên.

Về án phí: bà Lê Thị M2 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật; anh Nguyễn Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng, quên hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Về sự vắng mặt của đương sự: bà M2, anh L, chị T1, anh Q, chị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M2, anh L, chị T1, anh Q, chị T2.

1.2 Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Phan Thị Tuyết M1 khởi kiện bà Lê Thị M2, anh Nguyễn Tấn L đều cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền vay 300.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án: xét hợp đồng vay tài sản giữa chị Phan Thị Tuyết M1, bà Lê Thị M2, ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Tấn L với số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng là có thật được các bên thừa nhận và thể hiện tại *"Giấy thế chấp vay tiền ngày 29/8/2018"* bà M2 thừa nhận là người viết nội dung giấy nợ cùng ký tên với ông D, anh L.

Bị đơn bà M2 cho rằng đã trả cho chị M1 số tiền 157.000.000 đồng, tương ứng với 157 ngày góp, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng thể hiện tại các giấy photo bảng kê ghi chép tiền góp do bà M2 cung cấp tại bút lục số 35,36,37,38, tuy nhiên bảng kê ghi chép tiền góp do bà M2 cung cấp do bà M2 tự ghi chép và chị M1 không thừa nhận sổ ghi tiền góp là do chị M1 viết, chị cũng không ký xác nhận đã nhận tiền của bà M2, ngoài lời trình bày và sổ ghi chép tiền góp bà M2 không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh đã trả cho chị M1 số tiền 157.000.000 đồng nên việc chị M1 khởi kiện là có cơ sở.

Bị đơn anh L thống nhất với lời trình bày của bà M2, đối với số tiền bà M2 đã trả cho chị M1 anh không nắm rõ, riêng anh chưa từng trả cho chị M1 số tiền nào, anh đồng ý cùng mẹ anh trả cho chị M1 số tiền còn nợ lại 143.000.000 đồng. Yêu cầu chị M1 trả lại cho anh bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: theo *"Giấy thế chấp vay tiền ngày 29/8/2018"* chị M1 cung cấp thể hiện người vay tiền là bà Lê Thị M2, anh Nguyễn Tấn L và ông Nguyễn Văn D, tuy nhiên ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963 đã chết vào ngày 26/8/2022 theo "Trích lục khai tử số 21/TYLKT-BS ngày 12/01/2023" của Uỷ ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M2 và anh L là người trực tiếp ký nhận nợ trả tiền, không yêu cầu các con của ông D là chị Nguyễn Thị Thu T2 và anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ trả nợ cho chị M1; bà M2 và anh L thừa nhận số tiền nợ của chị M1 không liên quan đến anh Q, chị T2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Lời trình bày của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa các đương sự là hợp đồng vay tài sản có lãi, có kỳ hạn. Qua thời hạn trả nợ bà Lê Thị M2, anh Nguyễn Tấn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay về kỳ hạn trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Tuyết M1, buộc bà Lê Thị M2 và anh Nguyễn Tấn L có nghĩa vụ trả số tiền vay 300.000.000 đồng, ghi nhận chị M1 không yêu cầu tính tiền lãi và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T2 và anh Nguyễn Minh Q trả nợ cùng với bà M2 và anh L.

[5] Đối với bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2381m^2, thửa số 265, 266, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh, do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/8/2011 cho anh Nguyễn Tấn L và chị Dương Thị T1, khi giao dịch vay tiền bà M2 và anh L đã thế chấp cho chị M1, nguyên đơn đồng ý trả lại cho anh L và chị T1 nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị M2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Anh Nguyễn Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Tuyết M1 đối với bà Lê Thị M2, anh Nguyễn Tấn L về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Lê Thị M2, anh Nguyễn Tấn L phải có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Tuyết M1 số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, ghi nhận chị M1 không yêu cầu tính tiền lãi, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T2, anh Nguyễn Minh Q trả nợ cùng bà M2, anh L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phan Thị Tuyết M1 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị M2, anh Nguyễn Tấn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Phan Thị Tuyết M1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Tấn L và chị Dương Thị T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2381m^2, thửa số 265, 266, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh, do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17/8/2011 cho anh Nguyễn Tấn L và chị Dương Thị T1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị M2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tấn L phải chịu 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị Tuyết M1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phan Thị Tuyết M1 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004049 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam